

Bản án số: 115/2025/HS-ST  
Ngày 30-9-2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* bà Phạm Ngọc An

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Lê Thị Thanh Hương, nghề nghiệp: Giáo viên và ông Đồng Văn Hạnh, cán bộ nghỉ hưu.

*- Thư ký phiên tòa:* ông Triệu Sinh Thủy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Hạ Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Quang H** (tên gọi khác: không), sinh ngày 08 tháng 3 năm 2004, tại Hải Phòng; nơi thường trú: số D Đ, tổ dân phố T, phường Đ, quận H (nay là số D Đ, tổ dân phố T, phường H), thành phố Hải Phòng; nơi ở: ngách C, ngõ D, đường Đ, phường Đ, quận K (nay là ngách C, ngõ D, đường Đ, phường K), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Việt A và bà Phạm Thị H1; vợ: Bùi Thị M; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Thị M** (tên gọi khác: không), sinh ngày 29 tháng 3 năm 2004, tại Hải Phòng; nơi thường trú: tổ Đ, phường Đ, quận K (nay là tổ Đ, phường K), thành phố Hải Phòng; nơi ở: ngách C, ngõ D, đường Đ, phường Đ, quận K (nay là ngách C, ngõ D, đường Đ, phường K), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đức H2 và bà Vũ Thị T; chồng: Nguyễn Quang H; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

3. Họ và tên: **Cao Đức T1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 28 tháng 02 năm 1999, tại Hải Phòng; nơi cư trú: số B, lô A, tổ E, phường Đ, quận H (nay là số B, lô A, tổ E, phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn H3 và bà Trần Thị B; vợ: Tăng Ngọc D; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

4. Họ và tên: **Lưu Anh T2** (tên gọi khác: không), sinh ngày 27 tháng 5 năm 2001, tại Hải Phòng; nơi thường trú: số B P, tổ dân phố P, phường Đ, quận H (nay là số B P, tổ dân phố P, phường Đ), thành phố Hải Phòng; nơi ở: số B T, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn T3 và bà Nguyễn Thị T4; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

5. Họ và tên: **Tăng Ngọc D** (tên gọi khác: không), sinh ngày 31 tháng 7 năm 2004, tại Hải Phòng; nơi cư trú: số B, lô A, tổ E, phường Đ, quận H (nay là số B, lô A, tổ E, phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tăng Thế T5 và bà Đỗ Thị K; chồng: Cao Đức T1; con: có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/5/2025 đến ngày 03/6/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”; có mặt.

6. Họ và tên: **Ngụy Thị Trúc L** (tên gọi khác: không), sinh ngày 14 tháng 8 năm 2008 (tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 09 tháng 10 ngày), tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi thường trú: F11, tổ I, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là F11, tổ I, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở: A05, tổ A, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngụy Đ và bà Phạm Thị T6; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn B1** (tên gọi khác: không), sinh ngày 30 tháng 7 năm 1995, tại Hải Phòng; nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Đ, quận D (nay là tổ dân phố Đ, phường H), thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H4 và bà Hoàng Thị H5; vợ: Đặng Thị T7; con: có 04 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 28/9/2016, Tòa án nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 05/10/2018 chấp hành xong hình phạt; ngày 14/01/2020, Công an phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 05/3/2020, Công an phường N, thị xã C, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép

chất ma túy; ngày 11/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố bị can về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

\* *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo* *Nguyễn Thị Trúc L*: ông Nguyễn Đại H6, sinh năm 1983; bà Phạm Thị T6, sinh năm 1984; đều cư trú tại: F, tổ I, ấp P, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: đều là Lao động tự do; là bố, mẹ của bị cáo; có mặt;

\* Người bào chữa cho bị cáo *Nguyễn Thị Trúc L*: bà Phạm Thị L1 – Luật sư Công ty L3; địa chỉ: số E N, phường H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Nguyễn Quang H, Bùi Thị M, Tăng Ngọc D và Nguyễn Thị Trúc L tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

T1 và T2 là bạn, T1 biết T2 làm việc tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Cả hai thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại qua ứng dụng M1 và biết nhau đều sử dụng ma túy Ketamine và bóng cười. T2 có nói với T1 sẽ về Hải Phòng chơi vào ngày 22/5/2025. Sau đó, T2 rủ L ra Hải Phòng chơi, L đồng ý. Ngày 22/5/2025, vợ chồng T1 – D đi taxi đến sân bay C, thành phố Hải Phòng đón T2 và gặp L đi cùng T2. Sau đó, cả bốn người đi xe taxi về nhà vợ chồng H – M tại ngách C, ngõ D, đường Đ, phường Đ, quận K (nay là ngách C, ngõ D, đường Đ, phường K), thành phố Hải Phòng để ăn uống. Tại đây, cả nhóm bàn bạc về việc tổ chức đi H chơi. Sau đó, L ở lại nhà H – M còn T2 về nhà tại phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng.

Ngày 23/5/2025, T1 lập nhóm Facebook M1 “Hạ Long” gồm 06 thành viên trên để thống nhất chọn phòng, đi chơi và sử dụng bóng cười. T1 chuyển khoản cho D 4.500.000 đồng để đặt phòng và bảo D nhắn tin cho chị Lê Thị Khánh L2 (sinh năm 1999, trú tại: tổ E, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh) qua ứng dụng Facebook Messenger đặt được 01 phòng S1-27.08A tại chung cư S, phường H, thành phố H với giá 3.100.000 đồng và chuyển khoản trước 1.500.000 đồng tiền cọc phòng. Sau khi đặt được phòng, cả nhóm thống nhất tập trung tại nhà H để thuê xe taxi đi H vào chiều ngày 24/5/2025.

Cùng lúc, T1 bàn bạc với H, T2 về việc mua ma túy Ketamine và bóng cười để mang đi thành phố H (cũ) để sử dụng, kinh phí tổ chức đi chơi và sử dụng ma túy sẽ chia đều cho ba người. T1 gọi điện bảo H tìm mua 03 gam ma túy Ketamine và 05 bình bóng cười, H đồng ý.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T2 chuyển khoản cho T1 15.000.000 đồng (gồm 10.000.000 đồng mua ma túy và 5.000.000 đồng trả nợ) từ tài khoản số 030287888668, mang tên LUU ANH TU đến tài khoản số 1888667891999, mang tên CAO ĐỨC TAM đều thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (M2).

Sau đó, H đã lên Facebook đặt mua 05 bình khí cười với giá 1.100.000 đồng/bình và hẹn sáng ngày 24/5/2025 giao đến nhà H. Khoảng 22 giờ cùng ngày, H bảo M “Anh T1 bảo đi lấy đồ mai mang đi Hạ Long chơi”, do trước đây đã từng sử dụng ma túy cùng vợ chồng T1 và D nên M hiểu ý là H đi mua ma túy để mang đi H cho mọi người sử dụng. Do T1 chưa chuyển khoản tiền nên H đã hỏi M còn tiền mặt không thì ứng trước tiền để đi mua ma túy, khi nào T1 chuyển khoản H sẽ đưa lại tiền cho M. M đồng ý và hỏi H mua bao nhiêu, H nói mua 03 gam ma túy Ketamine, do M đã từng đi mua ma túy cùng với H và biết 01 gam ma túy Ketamine giá 800.000 đồng nên M lấy 2.500.000 đồng đưa cho H. H cầm tiền rồi gọi điện thoại qua ứng dụng M1 cho Nguyễn Văn B1 đặt mua 03 gam ma túy Ketamine, B1 báo giá 800.000 đồng/01 gam, tổng tiền là 2.400.000 đồng và hẹn H đến khu vực cây xăng Đ1 để giao dịch. Sau đó, H một mình đi xe đạp điện đến một quán tạp hóa mua 01 chai nước, mục đích đổi tiền lẻ trả cho B1. Đến khoảng 23 giờ, H đến điểm hẹn gặp B1 lấy 03 gam ma túy K1 và trả cho B1 2.400.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, H mang về nhà, lấy 01 đĩa sứ màu trắng, bỏ túi Ketamine lên trên đĩa rồi cầm lên phòng ngủ, M nhìn thấy H thì hỏi “Về rồi à”, H đáp “Ừ” rồi đổ một ít ma túy Ketamine từ trong túi nilon ra đĩa, dùng bật lửa hơi nóng đĩa, lấy ống hút bằng tờ tiền 10.000 đồng cuộn sẵn và thẻ nhựa trong tủ ra đánh nhuyễn, kẻ Ketamine tự sử dụng hết 01 đường. Lúc này, M nói với H “Thử tí”, nên H đưa đĩa ma túy để M dùng ống hút tự sử dụng. H sử dụng thêm 01 đường ma túy Ketamine nữa rồi đổ phần ma túy còn thừa trên đĩa vào 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, gấp lại để hôm sau mang xuống H sử dụng cùng cả nhóm.

Khoảng 02 giờ ngày 24/5/2025, T1 chuyển khoản cho H 10.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy K1 và bóng cười từ tài khoản số 1888667891999, mang tên CAO DUC TAM đến tài khoản số 783381102, mang tên NGUYEN QUANG HUNG, đều thuộc Ngân hàng M2. Đến khoảng 05 giờ 45 phút, H chuyển khoản cho T1 1.200.000 đồng góp tiền phòng để cả nhóm đi chơi và sử dụng ma túy. Đến khoảng 09 giờ sáng, H nhận được 05 bình khí cười và 02 túi vỏ bóng do người giao hàng (không rõ lai lịch) mang đến nhà, H đã trả cho người này 5.500.000 đồng tiền mặt.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T2 đi xe taxi từ nhà đến đón T1 và D rồi đến nhà H đón, khi đi T1 mang theo 01 loa để nghe nhạc khi sử dụng ma túy. Khi đến nhà H, T2 lên phòng ngủ tầng 3 đón L2; còn D, T1, H và M đứng ở ngoài sân đợi. Lúc này, H đang ở thềm trước cửa nhà, thì T1 hỏi H “Ke đâu”, H hiểu ý T1 hỏi ma túy Ketamine để mang đi H sử dụng đâu nên đã đưa cho T1 01 túi ma túy Ketamine, 01 tờ tiền 2.000 đồng có chứa ma túy Ketamine và 01 ống hút bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng. T1 cất túi ma túy Ketamine trong túi rồi cầm tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine và ống hút đi lên một đoạn tự sử dụng cho bản thân. Xong, T1 cất ống hút và tờ tiền chứa ma túy vào túi quần. Sau đó, cả nhóm 06 người cùng lên xe taxi đi đến Hạ Long.

Khi đến căn hộ S1-27.08A Chung cư Sapphire thuộc phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long (cũ), D mở cửa phòng cho cả nhóm vào rồi chuyển khoản nốt 1.600.000 đồng thanh toán tiền phòng. Tại phòng khách, D bật nhạc để mọi người

cùng nghe, sử dụng bóng cười. Khoảng 30 phút sau, cả nhóm có biểu hiện “Lâng lâng”, H và M xảy ra mâu thuẫn trong lời nói, M đã dùng tay tát vào mặt H. Thấy vậy, mọi người can ngăn ra, T1 và T2 kéo H vào phòng ngủ bên phải cửa ra vào; còn D, M và L2 ngồi ngoài phòng khách tiếp tục sử dụng bóng cười. Tại phòng ngủ, T1 bỏ trong túi quần ra 01 túi nilon ma túy Ketamine, 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine và 01 ống hút được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để ở bàn phòng ngủ, rồi đổ thêm một ít ma túy từ trong túi bóng ra tờ tiền, lấy ống hút tự sử dụng. Sau đó, T1 để tờ tiền chứa ma túy và ống hút xuống bàn rồi H, T2 cũng lần lượt tự cầm ma túy ở bàn lên sử dụng. Cả ba vừa sử dụng ma túy và sử dụng bóng cười.

Khoảng 30 phút sau, D gõ cửa phòng hỏi T1, H, T2 ăn gì để đặt, khi vào trong phòng D đứng gần giường ngủ thấy tại bàn đối diện gần cửa ra vào có 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng được gấp lại giống với tờ tiền 2.000 đồng H đưa cho T1 trước đó nên D biết T1, H và T2 vừa sử dụng ma túy Ketamine trong phòng ngủ và hỏi “Còn Ke không”, ý hỏi còn ma túy Ketamine không để mang ra ngoài phòng khách cho D, L2 và M cùng sử dụng nhưng không ai trả lời. Do vẫn còn bức tức việc D bênh M trước đó nên H nói “Mày bênh M thì ra”, thì D đi ra phòng khách ngồi với M và L2 tiếp tục sử dụng bóng cười và sử dụng điện thoại, D nhìn thấy T1 đi từ phòng ngủ ra và cầm tờ tiền 2.000 đồng có chứa chất ma túy Ketamine gấp đôi lại đặt trên kệ đá gần chỗ D ngồi, T1 nhìn D nhưng không nói gì rồi đi vào phòng ngủ. Diệp nhìn thấy và hiểu T1 mang ma túy Ketamine ra ngoài để cho D, L2 và M sử dụng. Sau khi T1 đi vào trong phòng ngủ, D đứng dậy cầm tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine từ bàn đá gần phòng ngủ ra bàn gỗ ở phòng khách trước mặt L2, M để cả ba cùng sử dụng. Diệp ngồi xuống gần kệ đá, L2 ngồi ở ghế gần ban công, M ngồi ở giữa D và L2. Thấy có ma túy Ketamine, L2 lấy 01 tờ 10.000 đồng có sẵn trên mặt bàn cuốn thành ống hút và buộc lại bằng dây chun đen. Cuộn xong L2 đặt ống hút xuống bàn để mọi người sử dụng, D dùng ống hút L2 cuộn để sử dụng ma túy trong tờ tiền 2.000 đồng bằng cách hít qua đường mũi. Sử dụng ma túy xong D đặt ống hút và tờ tiền chứa ma túy lên mặt bàn, sau đó L2 tiếp tục lấy ống hút và tờ tiền đựng ma túy lên sử dụng một ít rồi để lại mặt bàn. Một lúc sau, D và M xuống sảnh lấy đồ ăn và mang lên phòng. Cả nhóm ngồi ăn uống với nhau đến 21 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an phường H, thành phố H phối hợp với Công an tỉnh Q kiểm tra và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ: ở mép cửa ban công phòng khách có 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuốn thành ống hút, bên trong dính ma túy Ketamine dạng vệt, không xác định được khối lượng. Trên mặt bàn phòng khách có 01 loa nhãn hiệu Marshall màu đen, 05 bình kim loại chứa tổng cộng 4.790.000 gam khí Dinitrogen monoxide (hay còn gọi là khí cười); (Kết luận giám định số 657/29.5.2025 và số 678/03.6.2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q).

Tim thấy D1 (là sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Ketamine) trong nước tiểu của T1, H, T2, D, M và L2 (Kết luận giám định số 661/31.5.2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q).

2. Hành vi Nguyễn Văn Bình B2 trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quang H và tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để bán:

H và M quen biết B1, biết B1 có bán ma túy. Từ ngày 18/5/2025 đến ngày 23/5/2025, H đã gọi điện thoại qua tài khoản Facebook Messenger “Long Giáp” của B1 hỏi mua ma túy Ketamine, B1 báo giá 800.000 đồng/01 gam và hẹn địa điểm giao dịch. B1 đã nhiều lần bán trái phép ma túy Ketamine cho H, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 01 giờ sáng ngày 18/5/2025, H gọi cho B1 hỏi mua 01 gam ma túy Ketamine, B1 báo giá 800.000 đồng rồi gửi mã QR tài khoản ngân hàng M3, mang tên NGUYEN VAN BINH để H chuyển khoản. H đã chuyển khoản 800.000 đồng cho B1. Sau khi nhận được tiền, B1 hẹn H đến khu vực lối rẽ vào cây xăng Đ1 để giao dịch. Tại điểm hẹn, B1 rút 01 túi ma túy Ketamine xuống đất để cho H nhặt rồi B1 đi về.

Lần thứ hai: khoảng 22 giờ cùng ngày, H tiếp tục gọi cho B1 hỏi mua 01 gam ma túy Ketamine, H chuyển khoản 800.000 đồng tiền mua ma túy đến tài khoản của B1 rồi đến điểm hẹn cũ nhận ma túy.

Lần thứ ba: khoảng 20 giờ ngày 19/5/2025, H gọi cho B1 hỏi mua 01 gam ma túy Ketamine, H chuyển khoản 800.000 đồng tiền mua ma túy cho B1. Sau đó, B1 hẹn H ra cây xăng Đ1 để giao dịch rồi lấy 01 túi nilon đựng ma túy Ketamine bọc vào giấy vệ sinh màu trắng và đi đến điểm hẹn, B1 thấy H ngồi trên xe taxi ở hàng ghế sau, phía ghế phụ, H hạ kính xe và B1 ném ma túy qua cửa kính xe vào chỗ H ngồi.

Lần thứ 4: khoảng 23 giờ ngày 23/5/2025, H gọi cho B1 đặt mua 03 gam ma túy Ketamine, B1 báo tổng tiền là 2.400.000 đồng. H đồng ý, B1 hẹn H đến cây xăng Đ1 để giao dịch. Tại điểm hẹn, B1 đã bán cho H 01 túi ma túy Ketamine, H trả 2.400.000 đồng tiền mặt.

Ngày 25/5/2025, Cơ quan điều tra giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Nguyễn Quang H, Bùi Thị M, Nguyễn Thị Trúc L. T8 của T1 01 điện thoại Iphone màu bạc gắn sim 0944.437.199; thu của T2 01 điện thoại Iphone màu xám, gắn sim số 0869.433.648; thu của H 01 điện thoại Iphone màu tím, gắn sim 0782.159.836; thu của L 01 điện thoại Iphone màu trắng, gắn sim số 0339.314.137.

Ngày 26/5/2025, Cơ quan điều tra giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Tăng Ngọc D, thu giữ 01 điện thoại di động Iphone màu trắng gắn sim 0569.100.167; 01 điện thoại di động Iphone màu trắng sử dụng esim 0812.379.955.

Ngày 27/5/2025, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Quang H, Bùi Thị M ở ngách C, ngõ D đường Đ, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng thu giữ:

Tại mặt bàn bếp tầng 1: 01 đĩa sứ màu trắng dính chất bột màu trắng dạng vệt, không xác định được khối lượng.

Tại mặt bàn máy tính phòng ngủ phía trước tầng 2: 01 thẻ nhựa, 01 tờ tiền 10.000 đồng cuộn thành ống hút và 01 tờ tiền 5.000 đồng đều dính chất bột màu trắng dạng vết không xác định được khối lượng.

Tại kệ đầu giường phòng ngủ phía trước tầng 2: 01 tờ tiền 2.000 đồng dính chất bột màu trắng, dạng vết, không xác định được khối lượng;

Tại ngăn kéo thứ nhất bàn trang điểm trong phòng ngủ phía trước tầng 2: 01 cân điện tử màu bạc, 01 đĩa kim loại màu vàng bên trên có 01 túi nilon chứa 0,355 gam ma túy Ketamine, 02 túi nilon chứa tổng cộng 0,272 gam chất bột màu trắng tìm thấy chất ma túy Ketamine, 01 túi nilon chứa chất bột màu trắng không phải là ma túy và 10 vỏ túi nilon.

*(Kết luận giám định số 672/02.6.2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q).*

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn B1 tại tổ dân phố Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng thu giữ: trên mặt bàn trong phòng khách 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; dưới chiếu trong phòng khách 01 túi nilon chứa 0,051 gam ma túy Methamphetamine, 30 vỏ túi nilon, 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 ống hút nhựa được cắt vát một đầu và 01 điện thoại di động Vsmart màu đen, gắn sim 0375.098.169.

*(Kết luận giám định số 663/31.5.2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q).*

Quá trình điều tra, Cao Đức T1, Nguyễn Quang H, Lưu Anh T2, Bùi Thị M, Tăng Ngọc D, Nguyễn Thị Trúc L và Nguyễn Văn B1 khai nhận cơ bản phù hợp với nội dung vụ án. Ngoài ra còn khai:

Cao Đức T1 đã bàn bạc riêng với T2, H về việc mua ma túy đi H để sử dụng, H là người gọi điện báo giá ma túy cho T1: 5 bình khí cười giá 7.500.000 đồng, 03 gam ma túy Ketamine giá 3.300.000 đồng, tổng là 10.800.000 đồng. Tại sân nhà H, T1 chỉ nhận từ H 01 tờ tiền cuộn ống hút và 01 tờ tiền 2.000 đồng có chứa chất ma túy Ketamine sau đó sử dụng hết. Trên đường đi H, T1 đã đưa lại tờ tiền và ống hút cho H trên xe taxi. Tại phòng, T1, H, T2 sử dụng ma túy, T1 không biết ai là người bỏ ma túy Ketamine ra mà chỉ thấy có sẵn ma túy trên bàn nên tự lấy sử dụng. Khi D vào phòng, T1 không nghe thấy D nói gì. Sau đó, T1 mang tờ tiền có chứa ma túy Ketamine ra ngoài kệ đá gần phòng ngủ để nhóm nữ ai có nhu cầu thì tự sử dụng. Việc T1 báo giá cho T2 về tiền mua ma túy và bóng cười là dự trừ kinh phí để T2 biết, khi cả nhóm đi du lịch về mới chia đều tiền cho cả ba.

Nguyễn Quang H khai: T1 là người bảo H đi mua ma túy Ketamine, bóng cười để cả nhóm sử dụng, do biết sẵn giá nên T1 nhấn tin chốt giá với H. Sau khi mua được ma túy Ketamine vào tối ngày 23/5/2025, H đã mang về nhà bỏ ra một ít sử dụng cùng M. Đến ngày 24/5/2025, sau khi đưa ma túy cho T1, H không nhìn thấy T1 sử dụng ma túy. Trên xe taxi đi H, T1 không đưa lại ma túy cho H. Trong phòng ngủ ở căn hộ tại H, T1 lấy ma túy, ống hút từ túi quần ra để ở bàn phòng ngủ rồi đổ thêm một ít ma túy từ trong túi nilon ra tờ tiền và lấy ống hút tự sử dụng sau đó đặt xuống bàn. Khi sử dụng ma túy, H nghe thấy T1 báo giá ma túy cho T2 nhưng không nói gì vì nghĩ cả nhóm vẫn đang sử dụng ma túy và đi

chơi, khi về mới cộng tiền và thanh toán với T1 và T2 sau. Số ma túy cất giấu trong phòng ngủ là của H mua của B1 để sử dụng nhưng chưa dùng hết, việc giấu ma túy chỉ một mình H biết.

Lưu Anh T2 khai: tại phòng ngủ có T1, H và T2 sử dụng ma túy, T2 nhìn thấy T1 là người lấy ma túy trong túi quần ra rồi bỏ thêm ma túy vào tờ tiền 2.000 đồng, dùng ống hút cuộn bằng tờ 10.000 đồng tự sử dụng trước, sau đó đặt xuống bàn rồi H và T2 mới tự lấy ma túy Ketamine để sử dụng cho bản thân. T1, T2, H đều thống nhất sau cuộc chơi mới chia tiền. Khi công an gõ cửa kiểm tra, do lo sợ nên T2 đã cất bình khí cười vào sát cửa và ném tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine cùng ống hút được cuộn bằng tờ 10.000 đồng trên mặt bàn phòng khách ra lan can ở ban công.

Bùi Thị M khai: khi cùng H sử dụng ma túy tại nhà thì M biết đó là số ma túy sẽ mang đi H để sử dụng nên đã tham gia sử dụng cùng H. Chiều ngày 24/5/2025, tại trước cửa nhà mình, M nhìn thấy H đưa lại ma túy cho T1 và thấy T1 sử dụng ma túy Ketamine trong tờ tiền 2.000 đồng. Tại phòng khách căn hộ tại H, M nhìn thấy L cuộn ống hút để L và D tự sử dụng ma túy Ketamine. L có mời M sử dụng ma túy nhưng do M mệt không dùng; M là người đứng tên thuê nhà ở Hải Phòng.

Tăng Ngọc D khai: Trước khi đi H, D nhìn thấy H đưa tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine cho T1 nên biết có ma túy mang đi H để sử dụng, nhưng cụ thể như thế nào thì D không rõ. Tại phòng ngủ mà T1, T2 và H sử dụng ma túy, D thấy tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine trên mặt bàn đối diện giường ngủ giống với tờ tiền H đưa cho T1, biết chắc chắn có ma túy để sử dụng tại đây nên mới hỏi cả ba người đàn ông còn ma túy Ketamine không để mang cho nhóm nữ sử dụng. Sau đó, D là người trực tiếp lấy tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine do T1 để trên mặt bàn đá mang ra đặt trên mặt bàn phòng khách cho bản thân và L sử dụng.

Nguyễn Thị Trúc L khai: L nhìn thấy trên mặt bàn phòng khách có tờ tiền 2.000 đồng chứa ma túy Ketamine và 01 tờ tiền 10.000 đồng nên đã cuộn tờ tiền 10.000 đồng thành ống hút, buộc lại bằng dây chun đen rồi đặt lên bàn để D và bản thân tự lấy sử dụng ma túy. Khi sử dụng ma túy, L đã dùng điện thoại chụp ảnh, trong đó có hình ảnh D đang đứng sử dụng ma túy Ketamine.

Nguyễn Văn B1 khai toàn bộ số ma túy đã bán cho H và tàng trữ tại nhà để bán là do B1 mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực Cầu Đ, A, thành phố Hải Phòng.

Vật chứng, tài sản trong vụ án: 01 phong bì niêm phong chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 đĩa sứ hình tròn; 01 thẻ nhựa màu trắng; 05 vỏ bình kim loại màu xanh; 01 loa màu đen nhãn hiệu Marshall và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu bạc gắn sim 0944.437.199 thu giữ của Cao Đức T1; 01 cân điện tử màu bạc; 01 đĩa kim loại màu vàng hình bầu dục, 10 vỏ túi nilon và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu tím, gắn sim số 0348.610.526 thu giữ của Nguyễn Quang H; 01 điện thoại Iphone màu xám, gắn sim 0869433.648 thu giữ của Lưu Anh T2; 01 điện thoại Iphone màu tím, gắn sim 0782.159.836 thu giữ của Bùi Thị

M; 02 điện thoại di động Iphone gắn sim 056.100.1677 và 0812.379.955 thu giữ của Tăng Ngọc D; 01 điện thoại Iphone màu trắng, gắn sim 0339.314.137 thu giữ của Ngụy Thị Trúc L; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 30 vỏ túi nilon, 01 bật lửa ga màu đỏ, 01 ống hút nhựa được cắt vát một đầu và 01 điện thoại di động Vsmart màu đen, gắn sim 0375.098.169 thu giữ của Nguyễn Văn B1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh để quản lý theo quy định của pháp luật. Đối với 02 tờ tiền 10.000 đồng, 01 tờ tiền 5.000 đồng và 01 tờ tiền 2.000 đồng hiện đang được bảo quản tại Kho bạc nhà nước tỉnh Q.

Tại bản Cáo trạng số: 5796/CT-VKSKV1, ngày 14 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh truy tố Nguyễn Quang H và Bùi Thị M, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Cao Đức T1 và Lưu Anh T2, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố Tăng Ngọc D, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Ngụy Thị Trúc L theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn B1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

\* Về hình phạt chính:

- Áp dụng: điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Nguyễn Quang H từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

- Áp dụng: điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Bùi Thị M từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Cao Đức T1 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Lưu Anh T2 từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Tăng Ngọc D từ 05 (năm) 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày bị tạm giữ từ ngày 26/5/2025 đến ngày 03/6/2025.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 91 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt: Nguyễn Thị Trúc L từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Nguyễn Văn B1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2025.

\* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

\* Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,44 gam Ketamine; 0,12 gam không phải là ma túy; 01 đĩa sứ hình tròn đường kính 15,5cm và 01 thẻ nhựa màu trắng mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 672/KL-KTHS ngày 02/6/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q; 01 bộ sử dụng ma túy; 05 vỏ bình kim loại màu xanh; 40 vỏ nilon kích thước khác nhau; 01 bật lửa ga; 01 cân điện tử màu bạc, 01 đĩa kim loại màu vàng; 01 ống hút nhựa được cắt vát và 04 sim điện thoại.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro) thu giữ của Cao Đức T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro max), màu xám thu giữ của Lưu Anh T2; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím thu giữ của Nguyễn Quang H; 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn B1; 01 loa nhãn hiệu Marshall màu đen; 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng.

Trả lại: Bùi Thị M 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím gắn 01 sim điện thoại; Nguyễn Thị Trúc L 01 điện thoại nhãn hiệu

Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro max), màu trắng gắn 01 sim điện thoại; Tăng Ngọc D 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 sim điện thoại và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 sim điện thoại.

Bị cáo Nguyễn Văn B1 nộp vào ngân sách nhà nước 4.800.000 đồng (tiền do phạm tội mà có).

Các bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

\* Người bào chữa cho bị cáo Ngụy Thị Trúc L phát biểu tranh luận: bà L1 hoàn toàn đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tài liệu chứng cứ mà ông Ngụy Đại H6 và bà Phạm Thị T6 (bố mẹ của bị cáo) nộp tại phiên tòa để bị cáo L được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

\* Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Ngụy Thị Trúc L: ông Ngụy Đại H6 và bà Phạm Thị T6 không phát biểu tranh luận gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: tại phiên tòa, ông Ngụy Đại H6 và bà Phạm Thị T6 nộp cho Tòa án các bản sao Huy chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương chiến sĩ vẻ vang của ông bà nội bị cáo L nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngụy Thị Trúc L.

\* Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 24/5/2025, tại căn hộ S, chung cư S, thuộc tổ B, khu A, phường

H, thành phố H (nay là phường H) tỉnh Quảng Ninh, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Nguyễn Quang H, Tăng Ngọc D, Bùi Thị M và Nguyễn Thị Trúc L (sinh ngày 14/8/2008) có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, T1 khởi xướng, trực tiếp bàn bạc với T2 và H, chỉ đạo D thuê phòng, mang ma túy cho mọi người sử dụng; T2 ứng trước tiền mua ma túy; H trực tiếp đi mua ma túy, góp tiền, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy; M đưa tiền cho H đi mua ma túy; D mang ma túy cho bản thân và L sử dụng; L chuẩn bị dụng cụ để D và bản thân sử dụng.

Tối ngày 23/5/2025, tại nơi ở của Nguyễn Quang H và Bùi Thị M thuộc ngách C, ngõ D đường Đ, phường Đ, quận K (nay là ngách C, ngõ D, đường Đ, phường K), thành phố Hải Phòng, Nguyễn Quang H và Bùi Thị M có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Ngoài ra, H còn tàng trữ 0,355 gam ma túy Ketamine và 0,272 gam tìm thấy chất ma túy Ketamine tại nơi ở, mục đích để sử dụng thì bị thu giữ.

Từ ngày 18/5/2025 đến ngày 23/5/2025, tại khu vực cây xăng Đ, phường Đ, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng, Nguyễn Văn B1 có hành vi 04 lần bán trái phép tổng cộng 06 gam ma túy Ketamine cho Nguyễn Quang H. Ngoài ra, ngày 27/5/2025, B1 tàng trữ trái phép 0,051 gam ma túy Methamphetamine tại nơi ở, mục đích để bán thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bắt giữ cùng vật chứng. Tổng số tiền đã thu từ việc bán ma túy là 4.800.000 đồng.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, xâm phạm đến chế độ của Nhà nước về quản lý các chất ma túy.

Hành vi như nêu trên của Nguyễn Quang H và Bùi Thị M đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi như nêu trên của Cao Đức T1 và Lưu Anh T2 đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi như nêu trên của Tăng Ngọc D đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi như nêu trên của Nguyễn Thị Trúc L đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi 04 lần bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn B1 cho Nguyễn Quang H đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo Nguyễn Quang H, Bùi Thị M, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Tăng Ngọc D và Nguyễn Thị Trúc L trong tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Đối với hành vi các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 24/5/2025, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo T1 là người khởi xướng bàn bạc với T2 và H; bị cáo T1 là người chuyển tiền cho D để đặt phòng (D không biết việc đặt phòng để sau này các bị cáo sử dụng ma túy); bị

cáo T1 mang ma túy cho mọi người sử dụng; bị cáo T2 ứng tiền mua ma túy; bị cáo H trực tiếp mua ma túy, góp tiền, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; M là người đưa tiền (2.500.000 đồng) cho H mua ma túy; D mang ma túy cho L sử dụng và tự lấy ma túy cho bản thân sử dụng; L cuộn tiền làm ông hút cho L và D sử dụng ma túy. Nên các bị cáo cáo T1, H, T2 về cơ bản giữ vai trò ngang nhau; bị cáo M giữ vai trò sau bị cáo T1, H, T2 và cao hơn bị cáo D, L.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, về nhân thân của bị cáo Nguyễn Văn B1 như đã nêu tại phần “Lý lịch của bị cáo”. Nên, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo B1.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Tăng Ngọc D: ông Tăng Ngọc K2 là ông ngoại của bị cáo D, ông K2 là người có công với cách mạng (thương binh hạng A, thương tật 3/8). Do đó, bị cáo D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, ông Ngụy Đại H6 và bà Phạm Thị T6 (bố, mẹ của bị cáo Ngụy Thị Trúc L) nộp cho Tòa án các bản sao Huy chương chiến sĩ giải phóng, Huân chương chiến sĩ vẻ vang. Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ kèm theo chứng minh những người được tặng thưởng H7, huy chương có quan hệ gì với bị cáo L. Nên, Hội đồng xét xử không đủ căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngụy Thị Trúc L.

[6] Về áp dụng hình phạt chính:

Đối với bị cáo Nguyễn Quang H, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Bùi Thị M: khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Quang H, Bùi Thị M đều bị truy tố theo 3 điểm (phạm tội 02 lần trở lên; đối với 02 người trở lên; đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi); các bị cáo Cao Đức T1, Lưu Anh T2 bị truy tố theo 02 điểm (đối với 02 người trở lên; đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi). Do đó, Hội đồng xét xử cần quyết định mức hình phạt phù hợp phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án đồng phạm.

Đối với bị cáo Tăng Ngọc D: khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo D phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể (bị cáo

chỉ thực hiện hành vi mang ma túy cho L sử dụng). Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo D vừa đảm bảo quy định, vừa thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe.

Đối với bị cáo Ngụy Thị Trúc L: khung hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 9 tháng 10 ngày. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào quy định của pháp luật khi quyết định mức hình phạt áp dụng cho người chưa thành niên phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi để quyết định mức hình phạt phù hợp với bị cáo L.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B1: khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 251, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự quy định: người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo (Nguyễn Quang H, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Bùi Thị M, Tăng Ngọc D, Nguyễn Văn B1) đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

Tại khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự quy định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Nên, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ngụy Thị Trúc L.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ:

Đối với 0,44 gam Ketamine; 0,12 gam không phải là ma túy; 01 đĩa sứ hình tròn đường kính 15,5cm và 01 thẻ nhựa màu trắng mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 672/KL-KTHS ngày 02/6/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q là vật cấm tàng trữ, lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng. Do đó, căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro) gắn 01 sim thu giữ của Cao Đức T1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro max), màu xám gắn 01 sim thu giữ của Lưu Anh T2; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Quang H; 01 điện thoại nhãn hiệu Vsmart, màu đen gắn 01 sim thu giữ của Nguyễn Văn B1 và 01 loa nhãn hiệu Marshall màu đen. Các bị cáo đều sử dụng điện thoại và chiếc loa để thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 04 chiếc điện thoại và 01 loa nhãn hiệu Marshall; tịch thu tiêu hủy 04 sim điện thoại không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím gắn 01 sim thu giữ của Bùi Thị M; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro max), màu trắng gắn 01 sim thu giữ của Ngụy Thị Trúc L; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 sim và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 sim thu giữ của Tăng Ngọc D. Các bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc thực hiện hành vi phạm tội, nên căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại điện thoại gắn sim cho các bị cáo.

Đối với 01 bộ sử dụng ma túy, 05 vỏ bình kim loại màu xanh, 40 vỏ nilon kích thước khác nhau, 01 bật lửa ga, 01 cân điện tử màu bạc, 01 đĩa kim loại màu vàng, 01 ống hút nhựa được cắt vát một đầu không còn giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng, cuộn thành ống hút để sử dụng ma túy. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu số tiền trên sung vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Văn Bình B2 trái phép chất ma túy cho Nguyễn Quang H, thu về số tiền là 4.800.000 đồng. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn B1 phải nộp số tiền 4.800.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát: xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định; tại phiên tòa các bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt (đối với các bị cáo Nguyễn Quang H, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Tăng Ngọc D, Ngụy Thị Trúc L), tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với bị cáo Bùi Thị M, đại diện Viện kiểm sát căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khung hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: bị cáo M là người ứng 2.500.000 đồng đưa cho H để mua ma túy về để các bị cáo cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi ứng tiền để mua ma túy, từ đó mới có ma túy để các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy không thể xác định là “giúp sức” không đáng kể được. Ngoài ra, bị cáo bị truy tố theo 3 điểm tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử không quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo M.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Liên quan trong vụ án:

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy chưa đủ khối lượng truy cứu trách nhiệm hình sự của Nguyễn Quang H, Công an tỉnh Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với hành vi tàng trữ hàng cấm (05 bình khí cười), Công an tỉnh Q đã chuyển đến Công an phường H để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Văn B1, do không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể, nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Đối với Lê Thị Khánh L2 được giao quản lý căn hộ S1-27.08A, chị L2 không biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong căn hộ. Ngoài ra, việc kinh doanh căn hộ chưa được cấp phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi văn bản kiến nghị đến Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Q để tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, lưu trú.

Đối với anh Đào Xuân Đ là người cho Bùi Thị M thuê nhà ở đường Đ, phường K, thành phố Hải Phòng, quá trình điều tra xác định anh Đ không biết việc H và M cất giấu, sử dụng ma túy tại nhà, nên không đề cập xử lý.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Nguyễn Quang H 08 (tám) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

Căn cứ: điểm b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Cao Đức T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

Xử phạt: Lưu Anh T2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

Căn cứ: điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Bùi Thị M 07 (bảy) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Tăng Ngọc D 06 (sáu) năm tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày bị tạm giữ từ ngày 26/5/2025 đến ngày 03/6/2025.

Căn cứ: khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 91 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15; khoản 1 Điều 119, khoản 2 Điều 179 Luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Trúc L 15 (mười lăm) tháng tù, về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2025.

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15.

Xử phạt: Nguyễn Văn B1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2025.

2. Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,44 (không phải bốn mươi bốn) gam ma túy, loại Ketamine; 0,12 (không phải mười hai) gam không phải là ma túy; 01 (một) đĩa sù hình tròn đường kính 15,5cm; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 672/KL-KTHS (số 01 và 02) ngày 02/6/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh Q; 01 (một) bộ sử dụng ma túy; 05 (năm) vỏ bình kim loại màu xanh; 40 (bốn mươi) vỏ nilon kích thước khác nhau; 01 (một) bật lửa ga; 01 (một) cân điện tử màu bạc; 01 (một) đĩa kim loại màu vàng; 01 (một) ống hút nhựa được cắt vát một đầu và 04 (bốn) sim.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro), màu bạc thu giữ của Cao Đức T1; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 15 Pro max), màu xám thu giữ của Lưu Anh T2; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím thu giữ của Nguyễn Quang H; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Vsmart, màu đen thu giữ của Nguyễn Văn B1; 01 (một) loa nhãn hiệu Marshall màu đen.

Trả lại: Bùi Thị M 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 14 Pro max), màu tím gắn 01 (một) sim; Nguyễn Thị Trúc L 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 12 Pro max), màu trắng gắn 01 (một) sim điện thoại; Tăng Ngọc D 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 (một) sim và 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 (kiểu dáng Iphone 11 Pro max), màu trắng gắn 01 (một) sim.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 76/BB-THA/KV1, ngày 16/9/2025, tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Quảng Ninh).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 10.000 (mười nghìn) đồng, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 5.000 (năm nghìn) đồng và 01 (một) tờ tiền mệnh giá 2.000 (hai nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao nhận tài sản số: 306/2025/BBBG-CQCSĐTCA TQN ngày 25/6/2025, tại Phòng G – Kho bạc Nhà nước khu vực III).

Bị cáo Nguyễn Văn B1 phải nộp 4.800.000 (bốn triệu, tám trăm nghìn) đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Quang H, Cao Đức T1, Lưu Anh T2, Bùi Thị M, Tăng Ngọc D, Nguyễn Thị Trúc L, Nguyễn Văn B1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ khoản 1 Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: các bị cáo, người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Thị Trúc L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực I – QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh QN;
- Trại Tạm giam CA tỉnh QN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh QN;
- Phòng CSTHA và HTTP CA tỉnh QN;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người ĐDTPL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phạm Ngọc An**





